

Bản án số: 18/2024/DS-ST.

Ngày 29 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2. Ông Hoàng Lê Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử lưu động công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-DS, ngày 05/12/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST - DS, ngày 14 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Lê Thị H: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Trần B; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện H (có mặt).

3.2- Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công L; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:*

Vợ chồng ông có 01 thửa đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 1.496m² thuộc thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461, ngày cấp 24/10/2016 mang tên Bùi Thị T1 và Trương Văn T. Nguồn gốc diện tích đất là của bố mẹ vợ ông (ông Bùi Xuân H1 và bà Nguyễn Thị M) để lại cho hai vợ chồng ông khoảng những năm 2000. Khi đó các anh chị em trong gia đình bà T1 cùng nhau trồng chè, trồng vải trên đất và lúc đó bố vợ ông có bảo làm giấy tờ còn thực tế ông không rõ ông Bùi Xuân H1 có làm giấy tờ tặng cho hay không.

Đầu tháng 01/2021, gia đình ông san ủi một phần đất trên lấy mặt bằng để canh tác giáp ranh với thửa đất của bà Lê Thị H. Sau khi san ủi xong, gia đình ông đã rào lại xung quanh bằng cọc tre theo đúng mốc ranh giới mà vợ chồng ông và gia đình bà H đã cắm cọc bê tông. Ngày 24/01/2021, chị Nguyễn Thị H2 và chị Lê Thị H3 (con gái và con dâu bà H) đến nhờ, phá hàng rào và các cọc mốc bê tông vì cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của bà H. Sau đó anh Lưu Văn T3 là con rể bà H đã tự ý cắm lại mốc ranh giới, lấn chiếm vào đất của gia đình ông với diện tích khoảng 135,5m². Gia đình ông đã gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai. Ngày 08/10/2022, Ủy ban nhân dân xã T cùng các bên xác định hiện trạng và vẽ sơ đồ vị trí thửa đất đang tranh chấp làm cơ sở để giải quyết. Ngày 26/10/2022 và ngày 11/11/2022, Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã T đã lập Biên bản hòa giải và kết luận: Buổi hòa giải không thành với lý do hai bên gia đình đã không thống nhất được với nhau về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

Tại phiên tòa, ông Trương Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm cho gia đình ông theo kết quả thẩm định là 110,1m² tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461, ngày cấp 24/10/2016 mang tên bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T. Ông không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận số BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461, ngày cấp 24/10/2016 mang tên hộ bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T của bị đơn.

Nguyên đơn bà Bùi Thị T1 trình bày: Bà nhất trí với phần trình bày của chồng bà là ông Trương Văn T. Đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị H trả lại quyền sử dụng diện tích đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 110,1m² tại thôn C, xã T, huyện H và không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn

** Bị đơn bà Lê Thị H trình bày tại biên bản làm việc ngày 19/9/2023 (Bút lục số 156):*

Bà đã ủy quyền cho các con tham gia giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình ông Trương Văn T, bà Bùi Thị T1 tại xã T cũng như tại Tòa án. Bà không có

ý kiến gì về kết quả đo đạc thẩm định, định giá. Tuy nhiên, sau khi đo đạc toàn bộ diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất của nhà ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 đã được cấp trùng vào diện tích đất của nhà bà, khi ông T, bà T1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà và gia đình bà không được biết và không được ký giáp ranh theo quy định của pháp luật. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các hộ giáp ranh phải được ký và xác định mốc giới. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 (địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã T, huyện H đối với giấy chứng nhận số BX 531046 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 24/10/2016 mang tên hộ bà Bùi Thị T1, ông Trương Văn T.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Lê Thị H là ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Bố mẹ ông là ông Nguyễn Huy Đ (đã chết) và bà Lê Thị H đã khai phá, sử dụng diện tích đất này (diện tích đất giáp ranh với diện tích đất của gia đình anh T, chị T1) từ khoảng năm 1987, bản thân ông cùng tham gia khai phá và sử dụng để trồng cây hàng năm như cây N, cây Đỗ...v...v... Đến năm 2012, gia đình ông trồng thêm cây ăn quả. Khoảng năm 2019 thì cho em gái và em rể ông là chị Nguyễn Thị H2 và anh Lưu Văn T3 mượn để trồng cỏ voi, lấy cỏ để chăn nuôi. Sau đó xảy ra sự việc tranh chấp với anh T, chị T1, tại thời điểm xảy ra tranh chấp ông không có mặt ở nhà, đến ngày 30/3/2022 ông về địa phương và mới biết được sự việc tranh chấp. Hiện nay, mẹ ông là bà Lê Thị H đã cao tuổi, không còn minh mẫn nên đã ủy quyền cho ông tham gia giải quyết vụ việc. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị T1, ông không nhất trí vì khi san ủi mặt bằng anh T, chị T1 đã lấn chiếm đất của gia đình ông, khi san ủi mặt bằng không thông báo cho gia đình ông để xác định ranh giới cụ thể. Hiện nay, ranh giới tự nhiên giữa đất gia đình ông và đất gia đình anh T, chị T1 là cây G và bụi T4 vẫn còn. Anh T, chị T1 trình bày về phần diện tích đất giáp ranh và đang xảy ra tranh chấp với gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gia đình ông chưa được ký giáp ranh trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T, chị T1, như vậy theo ông nhận thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T, chị T1 là chưa hợp pháp. Thực tế gia đình anh T, chị T1 đã lấn chiếm đất của gia đình ông theo kết quả đo đạc là 110,1m² vì vậy ông không nhất trí việc khởi kiện đòi lại đất của ông T, bà T1 đối với mẹ ông và đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Trần B; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện H) trình bày:

Về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện theo Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 14/3/2013 và hướng dẫn số 206/HD-TNMT, ngày 28/3/2013 của Sở T6 hướng dẫn kê khai đăng ký cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho các hộ dân gồm đủ các bước. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, sổ vào sổ cấp GCN: CH02461, ngày cấp 24/10/2016 mang tên hộ bà Bùi Thị T1 và ông

Trương Văn T, thể hiện loại đất được cấp là đất trồng cây lâu năm, cấp theo đúng quy định.

Về phân diện tích đất tranh chấp và giấy chứng nhận: Tại mảnh trích đo Tòa án tiến hành theo sự chỉ dẫn của nguyên đơn và bị đơn thì diện tích cả hai hộ gia đình bà Lê Thị H và ông Trương Văn T, bà Bùi Thị T1 chỉ có tổng 709,8m². Trong khi đó diện tích của hộ bà T1, ông T đã được cấp trên giấy là 1.496m², chênh lệch rất lớn giữa diện tích đất trong giấy chứng nhận so với ngoài thực tế. Qua đó thể hiện quy trình thực hiện cấp giấy chứng nhận thì việc tính toán kê khai của hộ gia đình khi thực hiện việc kê khai để cấp giấy chưa đảm bảo. Đề nghị Tòa án xem xét việc giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công L; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã) trình bày:

Năm 2022, bà Lê Thị H và bà Bùi Thị T1, ông Trương Văn T xảy ra tranh chấp đối với diện tích đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận mang tên hộ bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T. Sau khi nhận được đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành hòa giải tranh chấp theo đúng Điều 203 Luật đất đai nhưng các đương sự không nhất trí nên đã khởi kiện ra Tòa án. Về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T của Ủy ban nhân dân huyện H ông không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 147, 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 4, 5, 6, 100, 101, 106, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 152 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 về tranh chấp quyền sử dụng đất tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang với bị đơn bà Lê Thị H.

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/10/2016 mang tên bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T.

+ Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên buộc bà Lê Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm cho nguyên đơn là 110,1m² tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ) và Bị đơn Lê Thị H yêu cầu đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461, ngày cấp 24/10/2016 mang tên hộ bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn có đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã thụ lý và xác định là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với Nguyên đơn. Tuy nhiên, đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là yêu cầu của đương sự, không phải là yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập. Khi giải quyết vụ việc dân sự liên quan đến việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Tòa án xem xét giải quyết trong cùng một vụ việc dân sự theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Bị đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho Nguyên đơn (là Quyết định cá biệt) nên việc Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên ban hành quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông Lưu Văn T3, bà Nguyễn Thị H2, bà Lê Thị H3 và bà Bùi Thị H4 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và lấy lời khai của những người có tên trên tại thời điểm đưa vụ án ra xét xử đã xác định họ không có quyền lợi, không có nghĩa vụ, không liên quan gì đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Nguyên đơn và Bị đơn nên Tòa án đã không đưa họ vào tiếp tục tham gia tố tụng.

Tại giai đoạn Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án, Nguyên đơn có yêu cầu Luật sư Nguyễn Thị H5, Luật sư Vũ Trung K thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh T (có địa chỉ tại Số M V, phố H, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) là Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Ngày 24/6/2024, Công ty L1 đã có văn bản số 33/CV-LVK về việc chấm dứt thủ tục người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự, do đó Luật sư Nguyễn Thị H5, Luật sư Vũ Trung K không còn tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngày 05/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2024/QĐST-DS; ngày 12 tháng 6 năm 2024, ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại Quyết định “Giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự” số 88/2024/QĐ-PT, ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn T đề nghị hủy Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 06/2024/QĐST-DS, ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, do đó HĐXX xét xử theo thẩm quyền luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

** Về nguồn gốc diện tích đất các đương sự đang sử dụng và nguồn gốc đất đang có tranh chấp.*

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Trương Văn T, bà Bùi Thị T1 cho rằng nguồn gốc diện tích đất gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là của bố, mẹ bà T1 (ông Bùi Xuân H1 và bà Nguyễn Thị M) cho hai vợ chồng vào khoảng những năm 2000. Năm 2015 làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng, năm 2016 được cấp giấy chứng nhận. Diện tích 110,1m² đang có tranh chấp là đất thuộc quyền sử dụng của ông bà. Năm 2021, sau khi gia đình ông bà thực hiện việc san ủi mặt bằng mới phát sinh tranh chấp.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T2 (đại diện theo ủy quyền của bà H) cho rằng diện tích đất bà H đang sử dụng (bao gồm cả diện tích đất đang có tranh chấp) do chồng bà H là ông Nguyễn Huy Đ (đã chết) và bà Lê Thị H khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1987, bản thân ông T2 cùng tham gia khai phá và sử dụng để trồng cây hàng năm như cây N, cây Đỗ...v...v... Đến năm 2012, trồng thêm cây ăn quả, khoảng năm 2019 thì cho chị Nguyễn Thị H2 và anh Lưu Văn T3 (vợ chồng con gái bà H) mượn trồng cỏ voi, lấy cỏ để chăn nuôi gia súc. Sau đó đến năm 2021, 2022 thì phát sinh tranh chấp do gia đình ông T, bà T1 san ủi mặt bằng lấn chiếm sang diện tích đất bà H đang sử dụng. Bà H xác định do bà H tuổi cao, sức yếu nên chưa làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng được.

- Kết quả xác minh tại thôn C, xã T thể hiện tại biên bản xác minh ngày 20/7/2024 (Bút lục số 102):

Diện tích đất hộ gia đình ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 hiện nay đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp 24/10/2016 mang tên hộ bà T1 và ông T có nguồn gốc là do bố mẹ đẻ bà T1 là ông Bùi Xuân H1 và bà Nguyễn Thị M tặng cho, trước đây diện tích này là diện tích đồi (đất vườn), đến khoảng năm 2018, 2019 ông T, bà T1 san ủi thành mặt bằng như hiện nay.

Đối với diện tích đất của gia đình bà Lê Thị H có nguồn gốc do vợ chồng bà H tự khai phá khoảng năm 1985, diện tích đất này giáp đường Q và có một phần diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ. Diện tích đất trên của gia đình bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình sử dụng, giữa hộ bà T1, ông T và bà H có xảy ra tranh chấp ranh giới, đã được thôn C và Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải đã xác minh đo đạc. Theo biên bản kiểm tra xác minh ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã T và thôn C xác định hộ ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 có lấn chiếm vào diện tích đất của bà Lê Thị H là 11,6m² (mười một phẩy sáu), diện tích đất tranh chấp theo đo đạc tại xã là 135,5m².

- Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H thể hiện tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 (Bút lục số 95-96):

+ Diện tích đất của hộ ông T, bà T1 hiện nay đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX531046 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp 24/10/2016 mang tên hộ bà T1 và ông T có nguồn gốc là do bố đẻ bà T1 là ông Bùi Xuân H1 tặng cho, trước đây diện tích đất này là đất đồi đến khoảng năm 2020 ông T bà T1 san ủi thành mặt bằng như hiện nay.

+ Đối với diện tích đất của bà Lê Thị H có nguồn gốc do hai vợ chồng tự khai phá, đất giáp đường quốc lộ 2 và có một phần diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ. Diện tích đất trên của gia đình bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo biên bản kiểm tra, xác minh 6/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã T và thôn C xác định hộ gia đình ông T, bà T1 có lấn chiếm vào diện tích đất của hộ gia đình bà H là 11,6m² (mười một phẩy sáu). Diện tích đất đang có tranh chấp giữa các đương sự là 135,5m².

** Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản tranh chấp và giá trị tài sản tranh chấp:*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản tranh chấp. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện như sau:

Diện tích đất tranh chấp là 110,1m² (đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực 3, vị trí 2) thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (được giới hạn bởi các điểm 11, 12, 2, 3, 6, 13, 14, 11 trên mảnh trích đo ngày 11/8/2023). Diện tích đất tranh chấp hiện nay do bà Lê Thị H đang trực tiếp sử dụng trồng cây cối. Giá trị diện tích đất tranh chấp được xác định là 3.413.000đ (Ba triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Tài sản trên đất bao gồm: 01 cây xoan trị giá 29.900đ; 01 cây nhãn trị giá 26.200đ; 05 cây bưởi trị giá 5.500.000đ là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lê

Thị H; 02 bụi tre gai (51 cây) trị giá 816.000đ thuộc quyền sở hữu của ông bà T, T1.

Các đương sự nhất trí với kết quả thẩm định, định giá tài sản.

** Về xem xét yêu cầu đòi lại quyền sử dụng 110,1m² của Nguyên đơn đối với Bị đơn.*

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trước khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 cho rằng diện tích bị bà H lấn chiếm là 135,5m²; sau khi có kết quả thẩm định, ông T, bà T1 nhất trí với kết quả thẩm định về diện tích đất đang có tranh chấp và đề nghị buộc bà H phải trả lại là 110,1m². Bà H, ông T2 (đại diện theo ủy quyền của bà H) không nhất trí vì cho rằng diện tích 110,1m² nằm trong diện tích đất gia đình đã khai phá, sử dụng từ những năm 1987.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để làm căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T tại biên bản ngày 12/7/2024 (Bút lục số 95-96) như sau:

Sau khi kiểm tra bản đồ giải thửa 299 và sổ mục kê đất đai lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện:

+ Tại thửa số 08, tờ bản đồ 01, thôn C, Xã T chủ sử dụng đất là Bùi Xuân H1 diện tích đất được quyền quản lý, sử dụng là 1376m² (trong đó đất thổ cư 400m², đất vườn tạp 376m², đất vườn rừng 600m²).

+ Tại thửa số 02, tờ bản đồ 01, thôn C, xã T chủ sử dụng đất Nguyễn Huy Đ (chồng bà Lê Thị H) diện tích đất được quyền quản lý sử dụng là 876m² (trong đó đất thổ cư 200m², đất vườn tạp 200m², đất vườn rừng 476m²).

+ Tại thửa số 03, tờ bản đồ 01, thôn C, xã T chủ sử dụng đất Nguyễn Huy Đ diện tích đất được quyền quản lý sử dụng 432m² (đất hai lúa)

+ Tại thửa số 04, tờ bản đồ số 01, thôn C, xã T chủ sử dụng đất Nguyễn Huy Đ diện tích sử dụng 102m² (đất hai lúa)

+ Tại thửa số 05 từ bản đồ số 01 thôn C, xã T chủ sử dụng đất Nguyễn Huy Đ diện tích sử dụng 300m² (đất hai lúa)

+ Tại thửa số 06, từ bản đồ số 01, thôn C, xã T chủ sử dụng đất Nguyễn Huy Đ diện tích sử dụng 300m² (đất hai lúa)

Diện tích đất đang có tranh chấp giữa nguyên đơn Trương Văn T, Bùi Thị T1 và bị đơn Lê Thị H theo địa phương xác định thì chưa được thể hiện trên bản đồ giải thửa 299 xã T và cũng không nằm trong diện tích đất của hộ gia đình ông Bùi Xuân H1, không nằm trong diện tích đất hộ gia đình ông Nguyễn Huy Đ đã thể hiện trên bản đồ giải thửa 299 và trên sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T.

+ Lời khai của bà Bùi Thị T5 (sinh năm 1955, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H) tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2024 (Bút lục số 280) thể hiện: Bà và gia đình bà Lê Thị H, gia đình bà Bùi Thị T1, ông Trương Văn T chỉ là hàng xóm không có anh em họ hàng gì, tuy nhà bà ở tổ dân phố B, thị trấn T, bà H ở thôn C, xã T nhưng nhà ở sát cạnh nhau, vì đây là giáp ranh hai địa phương. Bà sinh ra lớn lên và hiện tại sinh sống tại đây cùng với bà H và ông H1 (bố đẻ bà T1). Diện tích đất của hộ gia đình bà T1, ông T hiện nay tại thôn C nguồn gốc là của bố đẻ bà T1 là ông Bùi Xuân H1 cho. Phía trước của diện tích đất này có một diện tích

đất giáp ven đường quốc lộ 2 Tuyên Quang - Hà Giang của gia đình bà H sử dụng từ những năm 2014, 2015 trước khi ông H1 cho đất nhà ông bà T, T1. Bà H có trồng một số cây bưởi trên đất nay vẫn còn.

+ Ông Bùi Xuân H1 (bố đẻ bà Bùi Thị T1) khai tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2024 (Bút lục số 277): Về nguồn gốc diện tích đất anh Trương Văn T và chị Bùi Thị T1 đang sử dụng tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là của ông khai phá từ năm 1979 đến khoảng những năm 2000 thì cho các con trong đó có vợ chồng anh chị T, T1. Trước khi chia đất cho con, đất của ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng ông không nhớ tổng diện tích là bao nhiêu. Việc chia đất cho các con ông chỉ nói bằng miệng chứ không làm văn bản, giấy tờ gì. Đến khi có chỉ thị 01 của Nhà nước thì ông mới tiến hành kê khai làm giấy chứng nhận cho 06 người con, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ của ông Nhà N1 đã thu lại, ông không còn giữ. Diện tích đất ông cho chị T1 và anh T ông không nhớ cụ thể, chỉ nhớ là cắt cho 7m chiều ngang mặt đường, còn phía sau không tính toán cứ kéo dài hết đất nhà ông và đường lâm nghiệp phía sau giáp đồi keo nhà anh Trương Minh H6. Tiếp theo đất nhà chị T1, anh T là đất ông cho con gái là chị Bùi Thị H4. Về diện tích phía trước giáp đường quốc lộ phía ngoài của anh T, chị T1 (giáp chỗ tranh chấp với bà H) có một diện tích đất của bà H, bà H tự nhận từ khoảng năm 2014 đến 2015 và sử dụng từ đó đến nay, bà H không xây dựng công trình hay trồng cây gì mà chỉ đến khoảng 2021 khi anh chị T Tuyệt cuộc đất hạ tả ly xuống con đường dân sinh trước đó đi qua chỗ bà H nhận đã được mở thẳng chứ không đi xuyên qua đất bà H nữa nên bà H mới bắt đầu trồng cây bưởi lên. Diện tích đất ông chia cho anh chị Toàn Tuyệt khi chia, kê khai, đo đạc làm Giấy chứng nhận ông có trực tiếp nhờ cán bộ địa chính xã T xuống đo đạc hộ, ông cũng không biết tại sao lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất mặt đường và tổng diện tích đất lại chênh lệch nhau so với thực tế như vậy. Ông xác định đã chia đất, làm Giấy chứng nhận cho các con xong xuôi, ông không ý kiến gì, về trình tự thủ tục tặng cho cấp giấy chứng nhận ông đã làm theo quy định. Nay xảy ra tranh chấp giữa chị T1, anh T và bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại biên bản làm việc ngày 27/8/2024 với Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh T (Bút lục số 281) thể hiện: Sau khi đo vẽ và lồng ghép với bản đồ giải thửa 299 xã T đã xác định toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông T, bà T1 với bà H không nằm trong khu vực đã được đo vẽ bản đồ giải thửa 299 xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Qua các tài liệu xác minh, thu thập được thì diện tích đất đang có tranh chấp không nằm trong tổng diện tích đất mà ông Bùi Xuân H1 đã được cấp trước khi chia cho các con và cũng không nằm trong diện tích đất của hộ ông Nguyễn Huy Đ (chồng bà H) có trong bản đồ giải thửa, sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã. Lời khai của bà T5, ông H1 thể hiện việc bà H đang sử dụng một diện tích đất giáp với diện tích đất của ông bà T, T1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2024, ông T, bà T1 khai: “...Chúng tôi cũng không biết tại sao diện tích lại chênh lệch nhiều như vậy, có thể là thời kỳ đo đạc không có máy móc hiện đại như bây giờ. Vì khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chúng tôi cũng đã kê khai làm theo quy trình, việc cho và

chia đất cho các chị em chúng tôi lúc đầu là do bố tôi là ông Bùi Xuân H1 có nhờ cán bộ địa chính của UBND xã T và đại diện thôn đo đạc hộ và làm thủ tục cấp giấy cho chúng tôi, chúng tôi chỉ biết nhận giấy chứng nhận”.

Như vậy, ông Bùi Xuân H1 cũng chỉ nhớ cho ông bà T, T1 7m ngang bám mặt đường, không biết chính xác chiều sâu; bản thân ông T, bà T1 khi được cấp giấy chứng nhận cũng không xác định được chính xác việc đo đạc cụ thể như thế nào, giáp ranh với thửa đất nào... Với kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thì diện tích 110,1m² đất mà các bên đang có tranh chấp chưa thể hiện trên bản đồ giải thửa 299 xã T, huyện H, không nằm trong diện tích đất mà ông Bùi Xuân H1 đã được cấp giấy chứng nhận trước khi chia cho các con nên không có căn cứ để xác định diện tích 110,1m² mà các bên đang có tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà T1. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không được chấp nhận.

Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.*

Diện tích đất bà Lê Thị H đang sử dụng theo kết quả đo đạc thực tế là 211,5m² (trong đó có 110,1m² đất đang tranh chấp) và nằm toàn bộ trong diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông, chưa được thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân nào. Bà H, đại diện theo ủy quyền của bà H, đại diện Ủy ban nhân dân xã T, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H không có yêu cầu, đề nghị gì đối với diện tích đất này nên HĐXX không xem xét, trường hợp nếu có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

** Về xem xét yêu cầu yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng của Bị đơn đối với Nguyên đơn.*

Quá trình giải quyết vụ án, Chi nhánh văn phòng Đ1 - H cung cấp Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 1.496m² thuộc thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cho ông Trương Văn T, bà Bùi Thị T1 gồm có: Tờ kê khai đăng ký đất đai, Sơ đồ thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX531046.

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Y - H cung cấp không có giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H1 và các con; sơ đồ thửa đất không có ký giáp ranh của hộ liền kề, không có biên bản công khai tại thôn, xã...

Kết quả thẩm định đã xác định diện tích đất Bị đơn Lê Thị H chỉ dẫn ngoài thực địa là 211,5m² (bao gồm cả diện tích đất đang có tranh chấp là 110,1m²); diện tích đất Nguyên đơn Trương Văn T, Bùi Thị T1 đang sử dụng theo chỉ dẫn mốc giới ngoài thực địa là 689,3m². Tổng diện tích đất cả 02 hộ đang sử dụng theo chỉ dẫn ngoài thực địa là 790,8m², chỉ bằng khoảng một phần hai diện tích đất theo giấy chứng nhận cấp cho hộ ông T, bà T1 (diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày

24/10/2016 mang tên Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 là 1.496m²). Như vậy, diện tích đất các đương sự đang thực tế sử dụng không đúng với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận này được cấp theo Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 14/3/2013 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang, thửa đất chưa được đo đạc địa chính và có 267m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông công cộng.

Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

“...d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

Khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/8/2024) quy định Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

“...d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận;

đ) Giấy chứng nhận đã cấp bị Tòa án có thẩm quyền tuyên hủy...

Tại phiên tòa, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H (cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cũng xác định giấy chứng nhận đã cấp không đúng diện tích, hồ sơ cấp giấy còn thiếu một số giấy tờ nên thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đã cấp và đề nghị Tòa án xem xét việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đủ căn cứ xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, cấp ngày 24/10/2016 mang tên bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp không đúng diện tích đất, chưa được đo đạc địa chính, không thể hiện đúng, đủ hiện trạng thực tế tại thời điểm cấp giấy (không thể hiện giáp với diện tích đất mà bà Lê Thị H đang sử dụng), thiếu giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H1 và các con; sơ đồ thửa đất không có ký giáp ranh của hộ liền kề, không có biên bản công khai tại thôn, xã...nên ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, cần tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, sổ vào sổ cấp GCN: CH02461, cấp ngày 24/10/2016 cho bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T.

[3] . Về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo

- *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và khai thác tài liệu là 6.842.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Do

yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản và khai thác tài liệu. Xác nhận ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 đã nộp đủ số tiền trên.

- *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà Lê Thị H có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên xác định là yêu cầu phản tố nên phải nộp tạm ứng án phí, tuy nhiên bà H thuộc trường hợp là người cao tuổi nên đã được Tòa án quyết định miễn tạm ứng án phí, do đó HĐXX không phải xem xét việc trả lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định “Giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự” số 88/2024/QĐ-PT, ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định ông Trương Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000072, ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang và xác nhận ông Trương Văn T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm đối với việc kháng cáo Quyết định tạm đình chỉ nên không thuộc phạm vi xem xét của HĐXX.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 4, 5, 6, 100, 101, 106, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 152 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 về tranh chấp quyền sử dụng đất tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang với bị đơn bà Lê Thị H.

Bị đơn bà Lê Thị H (do ông Nguyễn Văn T2 đại diện) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết về quyền sử dụng 211,5m² đất (trong đó có 110,1m² đất tranh chấp và chưa được cấp giấy chứng nhận) và tài sản gắn liền với đất tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

2. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 531046, số vào sổ cấp GCN: CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/10/2016 mang tên bà Bùi Thị T1 và ông Trương Văn T.

Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và khai thác tài liệu là 6.842.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Xác nhận ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005946 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; xác nhận ông Trương Văn T và bà Bùi Thị T1 đã nộp đủ án phí.

Bị đơn là bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn ông Trương Văn T, bà Bùi Thị T1; Bị đơn Lê Thị H (do ông Nguyễn Văn T2 đại diện) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh - Hoàng Lê Tâm

Ma Thị Tuyết Mai

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ma Thị Tuyết Mai

